

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN**  
**KIỂM TRA BÁO CÁO TÀI CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2020**  
**tại Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Xuân Thủy**

Thực hiện công văn số 165/TB-STC ngày 17/8/2020 của Sở Tài chính về việc kiểm tra Báo cáo tài chính năm 2019 và sáu tháng đầu năm 2020.

Hôm nay, ngày 4 tháng 11 năm 2020 tại văn phòng Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Xuân Thủy, Đoàn kiểm tra Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2020 của Sở Tài chính và Sở Nông nghiệp & PTNT tiến hành thông qua kết quả kiểm tra. Thành phần gồm có:

**A. Đại diện lãnh đạo:**

- |                         |                           |
|-------------------------|---------------------------|
| 1. Ông: Nguyễn Văn Quân | Phó giám đốc Sở Tài chính |
| 2. Ông: Trần Đức Việt   | Phó Giám đốc Sở NN & PTNT |

**B. Các thành viên Đoàn kiểm tra:**

**\* Đại diện Sở Tài chính:**

- |                          |                        |
|--------------------------|------------------------|
| 1. Bà: Lê Thị Lan Phương | Trưởng phòng TCDN      |
| 2. Ông: Đặng Ngọc Hoàn   | Chuyên viên phòng TCDN |
| 3. Ông: Trần Trung Sinh  | Chuyên viên phòng TCDN |
| 4. Bà: Nguyễn Diệu Hoa   | Chuyên viên phòng TCDN |

**\* Đại diện Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:**

- |                         |                              |
|-------------------------|------------------------------|
| 1. Ông: Nguyễn Văn Hiệu | Phó trưởng phòng Kế hoạch TC |
| 2. Ông: Hà Thụy Sỹ      | Trưởng phòng QLCTTL - CCTL   |
| 3. Ông: Mai Hồng Diên   | Phó trưởng phòng QLXDCT      |
| 4. Bà: Lại Thị Oanh     | Chuyên viên phòng QLCTTL     |

**C. Đại diện Công ty TNHH MTV KTCTTL Xuân Thủy:**

- |                          |                  |
|--------------------------|------------------|
| 1. Ông: Đặng Mạnh Dương  | Chủ tịch         |
| 2. Ông: Ngô Xuân Đăng    | Giám đốc         |
| 3. Bà: Nguyễn Thị Phương | Kế toán tổng hợp |

Cùng nhau lập biên bản kiểm tra báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2020 như sau:

- Nội dung và phạm vi kiểm tra: Kiểm tra Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2020

- Thời gian kiểm tra: Từ ngày 19/8/2019 đến ngày 21/8/2019

## **Kết quả kiểm tra báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2020:**

Căn cứ vào hồ sơ, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán. Sau khi xem xét, kiểm tra Đoàn kiểm tra thống nhất với Công ty một số nội dung sau.

### **I. Số liệu kiểm tra**

(theo biểu đính kèm)

### **II. Nhận xét kiến nghị.**

#### **A. Nhận xét:**

- Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty 6 tháng đầu năm 2020 được duy trì ổn định, kết quả sản xuất kinh doanh có hiệu quả, đảm bảo việc làm và thực hiện các chế độ cho người lao động theo quy định hiện hành.

- Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2020 của Công ty đã được Công ty TNHH kiểm toán Đông Á tại báo cáo số 89/2020/AEA/BCTC ngày 11/8/2020.

- Diện tích tưới tiêu mà công ty thực hiện 6 tháng đầu năm 2020 là: 46% so kế hoạch năm 2020. Tổng doanh thu thực hiện 6 tháng đầu năm 2020 là: 33.852 triệu đồng bằng 60% so với kế hoạch năm 2020 và bằng 91% so với thực hiện cùng kỳ năm 2019.

- Công tác tài chính kế toán: Về cơ bản đã thực hiện theo các chế độ hiện hành, nộp báo cáo đúng thời gian quy định.

#### **Tuy nhiên trong quá trình thực hiện còn một số tồn tại như sau:**

- Một số công cụ dụng cụ xuất dùng đơn vị phân bổ 100% vào chi phí chưa đúng theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính.

- Tính đến 30/6/2020, 04 Công trình sửa chữa từ nguồn hỗ trợ kinh phí sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi chưa cân đối được nguồn, với số tiền là 3.038.054.212 đồng.

#### **B. Kiến nghị:**

Đề nghị lãnh đạo công ty chỉ đạo bộ phận kế hoạch tài vụ và các bộ phận liên quan rút kinh nghiệm, chấn chỉnh, khắc phục các tồn tại nêu trên đồng thời thực hiện:

- Xây dựng phương án cân đối nguồn vốn cho 04 Công trình sửa chữa từ nguồn hỗ trợ kinh phí sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2020.

- Phân bổ công cụ dụng cụ xuất dùng đúng theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính.

- Điều chỉnh hạch toán :

1. Giảm chi phí, tăng lãi số tiền 52.025.000 đồng một số công cụ công ty xuất dùng 100% vào chi phí. (chi tiết công cụ đính kèm)

Nợ TK 242

52.025.000 đồng

**KẾT QUẢ KIỂM TRA BÁO CÁO TÀI CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2020**  
**CÔNG TY TNHH MTV KTCTTL XUÂN THỦY**

*(Kèm theo Biên bản kiểm tra BCTC ngày 4 tháng 11 năm 2020 của Sở Tài chính)*

*Đơn vị tính: VNĐ*

TT	CHỈ TIÊU	SỐ Q.TOÁN CỦA DN	SỐ KIỂM TRA	CHÊNH LỆCH	
				TĂNG	GIẢM
<b>A</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>846.626.544.762</b>	<b>846.626.544.762</b>	<b>52.025.000</b>	<b>52.025.000</b>
<b>I</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>17.882.116.209</b>	<b>17.830.091.209</b>	-	<b>52.025.000</b>
<b>1</b>	<b>Vốn bằng tiền</b>	<b>8.766.544.425</b>	<b>8.766.544.425</b>		
	Tiền	4.766.544.425	4.766.544.425		
	Các khoản tương đương tiền	4.000.000.000	4.000.000.000		
<b>2</b>	<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>424.008.214</b>	<b>424.008.214</b>		
	Đầu tư ngắn hạn	424.008.214	424.008.214		
	DP giảm giá đ.tư ngắn hạn		-		
<b>3</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>2.294.808.820</b>	<b>2.294.808.820</b>	-	
	Phải thu khách hàng	1.627.808.820	1.627.808.820		
	Trả trước cho người bán	10.000.000	10.000.000		
	Phải thu nội bộ ngắn hạn		0		
	Các khoản phải thu khác	657.000.000	657.000.000		
	Dự phòng phải thu khó đòi		-		
<b>4</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>5.683.377.250</b>	<b>5.631.352.250</b>	-	<b>52.025.000</b>
	Hàng tồn kho	5.683.377.250	5.631.352.250		52.025.000
	Dự phòng giảm giá HTK		-		
<b>5</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>713.377.500</b>	<b>713.377.500</b>		
	Chi phí trả trước ngắn hạn		-		
	Thuế GTGT được khấu trừ	481.124.151	481.124.151		
	Thuế và các khoản phải thu NN	232.253.349	232.253.349		
	Tài sản ngắn hạn khác		-		
<b>II</b>	<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>828.744.428.553</b>	<b>828.796.453.553</b>	<b>52.025.000</b>	-
<b>1</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	-	-		
	Phải thu dài hạn của KH		-		
<b>2</b>	<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>827.696.944.054</b>	<b>827.696.944.054</b>	-	-
	Nguyên giá TSCĐ	948.527.784.607	948.527.784.607		
	Tổng giá trị hao mòn lũy kế	(120.830.840.553)	(120.830.840.553)		
<b>3</b>	<b>Tài sản cố định vô hình</b>	<b>431.833.749</b>	<b>431.833.749</b>		-
	Nguyên giá TSCĐ	783.899.546	783.899.546		
	Tổng giá trị hao mòn lũy kế	(352.065.797)	(352.065.797)		
<b>4</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>		-		
	Đầu tư dài hạn khác		-		
<b>5</b>	<b>Chi phí XDCB dở dang</b>		-		
<b>6</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>615.650.750</b>	<b>667.675.750</b>	<b>52.025.000</b>	-
	Tài sản dài hạn khác		-		

TT	CHỈ TIÊU	SỐ Q.TOÁN CỦA DN	SỐ KIỂM TRA	CHÊNH LỆCH	
				TĂNG	GIẢM
	Chi phí trả trước dài hạn	615.650.750	667.675.750	52.025.000	
<b>B</b>	<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>846.626.544.762</b>	<b>846.626.544.762</b>	<b>52.025.000</b>	<b>52.025.000</b>
<b>I</b>	<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>9.106.017.692</b>	<b>9.106.017.692</b>	-	-
<b>1</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>9.106.017.692</b>	<b>9.106.017.692</b>	-	-
	Vay và nợ ngắn hạn		-		
	Phải trả người bán	2.486.899.275	2.486.899.275		
	Người mua trả tiền trước	3.209.500.000	3.209.500.000		
	Thuế, các khoản phải nộp NN	91.696.444	91.696.444		
	Phải trả người lao động		-		
	Doanh thu chưa thực hiện	725.171.946	725.171.946		
	Chi phí phải trả		-		
	Phải trả nội bộ		-		
	Khoản phải trả phải nộp khác	2.391.292.563	2.391.292.563		
	Dự phòng phải trả ngắn hạn		-		
	Quỹ khen thưởng phúc lợi	201.457.464	201.457.464		
<b>2</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	-	-	-	-
	Vay và nợ dài hạn		-		
	Dự phòng trợ cấp mất việc		-		
	Phải trả người bán dài hạn		-		
	Chi phí phải trả dài hạn		-		
<b>II</b>	<b>Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	<b>837.520.527.070</b>	<b>837.520.527.070</b>	<b>52.025.000</b>	<b>52.025.000</b>
<b>1</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>837.520.527.070</b>	<b>837.520.527.070</b>	<b>52.025.000</b>	<b>52.025.000</b>
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	836.734.779.423	836.734.779.423		
	Quỹ đầu tư phát triển	302.993.837	302.993.837		
	Quỹ dự phòng tài chính		-		
	Lợi nhuận chưa phân phối	482.753.810	482.753.810	52.025.000	52.025.000
	Nguồn vốn đầu tư XDCB		-		
<b>2</b>	<b>Nguồn kinh phí quỹ khác</b>		-		
	Quỹ khen thưởng phúc lợi		-		
	Nguồn kinh phí		-		
	Nguồn KP hình thành TSCĐ		-		
<b>C</b>	<b>KẾT QUẢ SXKD</b>		-		
<b>1</b>	<b>Tổng doanh thu</b>	<b>33.851.553.862</b>	<b>33.851.553.862</b>		
	DT hoạt động kinh doanh	33.264.507.054	33.264.507.054		
	DT hoạt động tài chính	586.946.504	586.946.504		
	Doanh thu khác	100.304	100.304		
<b>2</b>	<b>Tổng chi phí</b>	<b>33.256.956.408</b>	<b>33.256.956.408</b>	-	-
	Giá vốn hàng bán	30.765.985.842	30.765.985.842		
	Chi phí bán hàng		-		
	Chi phí QLDN	2.490.940.540	2.490.940.540		
	Chi phí hoạt động tài chính		-		
	Chi phí khác	30.026	30.026		
<b>3</b>	<b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>	<b>594.597.454</b>	<b>594.597.454</b>	-	-
	C.phí thuế TNDN hiện hành	83.243.644	83.243.644		
<b>4</b>	<b>Tổng lợi nhuận sau thuế</b>	<b>511.353.810</b>	<b>511.353.810</b>	-	-